**TOÁN**

**TUẦN 16**

**BÀI 43: LUYỆN TẬP CHUNG**

**(TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:**

**1. Năng lực đặc thù:**

* Luyện tập, củng cố các kĩ năng cơ bản: Nhận biết về tỉ số %; Giải bài toán liên quan đến tìm tỉ số phần trăm của hai số và tìm giá trị phần trăm của một số cho trước.
* Thông qua việc quan sát, lập luận, thực hành, diễn đạt khi học về giải bài toán tìm giá trị phần trăm của một số cho trước, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung:**

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

* + Ti vi (máy chiếu), máy tính, bài trình chiếu PPT, bảng phụ, các đồ dùng dạy học cần thiết. Một số tình huống học tập, trò chơi, hình ảnh, video minh họa.
  + SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

* Bảng con, các đồ dùng học tập cần thiết, SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động khởi động (5 phút)**  **Mục tiêu:** *Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.* | |
| - GV tổ chức HS theo nhóm 4 hoặc 6, yêu cầu HS sử dụng kĩ thuật “Ổ bi” thực hiện các việc sau:  + Việc 1: HS nói cho bạn cách tìm tỉ số phần trăm của hai số, lấy một ví dụ đơn giản (chỉ cần nói cách tính không cần tính kết quả cụ thể).  + Xoay “Ổ bi” tiếp tục thực hiện. | - HS tạo thành ổ bi với hai vòng, quay mặt vào nhau.  - HS thực hiện các công việc theo yêu cầu GV đã nêu. |
| *Việc 2:* HS nói cho bạn cách tìm giá trị phần trăm của một số cho trước, lấy một ví dụ đơn giản (chỉ cần nói cách tính không cần tính kết quả cụ thể).  + Xoay “Ổ bi” tiếp tục thực hiện.  - Mời 1 – 2 HS nhận xét hoạt động | - HS nhận xét; cả lớp lắng nghe. |
| - GV nhận xét, tổng kết hoạt động.  - Chuyển ý, giới thiệu bài | - HS nghe.  - HS nghe, viết tên bài vào vở. |
| **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH LUYỆN TẬP (26P)**  **\* Mục tiêu:**  *- Học sinh làm được bài tập 1; 2 và 3 để luyện tập, củng cố các kĩ năng cơ bản: Nhận biết về tỉ số phần trăm; Giải bài toán liên quan đến tìm tỉ số phần trăm của hai số* | |
| **\* Cách tiến hành:**  **Bài 1.** | ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT1***  *a) Ghép thẻ ghi số thập phân với thẻ ghi tỉ số phần trăm có cùng giá trị:*    *b) Viết các số thập phân sau dưới dạng tỉ số phần trăm:*    *c) Viết các tỉ số phần trăm sau dưới dạng số thập phân:* |
| - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 1. | - HS **đọc** yêu cầu bài tập 1. |
| - Gv yêu cầu HS **xác định** việc cần làm. | - Ý **a)** **Ghép thẻ** ghi STP với thẻ ghi tỉ số phần trăm **có cùng giá trị**.  Ý **b) Viết** các **STP** đã cho **dưới dạng tỉ số phần trăm**.  Ý **c) Viết** các **tỉ số phần trăm dưới dạng STP** |
| - GV yêu cầu HS nhận dạng và nêu cách xử lí các ý.  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân; 4 HS lần lượt làm bảng lớp bài 1b,c. | - Ý a) và b) thuộc dạng bài: Viết các STP dưới dạng tỉ số phần trăm. Muốn viết STP dưới dạng tỉ số phần trăm, ta lấy số đó nhân nhẩm với 100 rồi viết kí hiệu %  Ý c) thuộc dạng bài: Viết các tỉ số phần trăm dưới dạng số thập phân. Muốn viết tỉ số phần trăm dưới dạng STP ta lấy tỉ số phần trăm chia nhẩm với 100.  - HS bài cá nhân vào vở bài tập Toán trang 103; 4 HS lần lượt làm bảng lớp bài 1b,c. |
| - GV hướng dẫn HS chia sẻ bài làm với bạn:  \* Bài 1a: Tổ chức trò chơi *Truyền điện* | - HS cả lớp tham gia trò chơi. |
| *+ Quản trò: Truyền điện truyền điện* | *+Cả lớp: Truyền ai truyền ai* |
| *+ Quản trò: Truyền bạn …. Nêu thẻ (ví dụ: 1,05)* | *+Bạn…: 1,05 = 105%. (HS trả lời đúng được mời tiếp bạn khác và đố bạn; HS trả lời sai bị điện giật và nhường quyền đố cho quản trò.)* |
| +…*(Tiếp tục cho số thứ 2)* |  |
| - GV nhận xét  \* Bài 1b, 1c:  - GV mời HS nhận xét bài bảng lớp  - Yêu cầu HS đổi vở kiểm tra chéo  - GV nhận xét, hỏi lại cách chuyển một STP thành tỉ số phần trăm và ngược lại.  - Chốt ý, chuyển mạch qua BT2. | - HS lắng nghe.  - HS nhận xét, cả lớp lắng nghe.  - Thực hiện.  - HS lắng nghe, nêu cách chuyển.  - Lắng nghe. |
| **Bài 2.** | ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT2***  *Tìm thương của các phép chia sau và viết lại dưới dạng tỉ số phần trăm:*  *a) 3 : 8 b) 3,2 : 8*  *c) 20 : 16 d) 7 : 5* |
| - GV gọi HS đọc nội dung bài tập 2. | - HS **đọc** nội dung bài tập 2. |
| - Gv yêu cầu HS **xác định** việc cần làm.  - H: Bài toán thuộc dạng gì của bài toán tỉ số phần trăm.  - H: Muốn tìm tỉ số phần trăm của hai số ta làm thế nào?  - Đó cũng chính là cách giải quyết bài tập 2. | -  **Tìm thương** của phép chia và chuyển thành **tỉ số phần trăm**  **-** Bài toán thuộc Dạng 1**: “Tìm tỉ số phần trăm của hai số”.**  **- Ta tìm thương rồi lấy thương đó nhân nhẩm với 100 và viết thêm kí hiệu % vào bên phải tích vừa tìm được.**  **-** Lắng nghe |
| GV yêu cầu HS làm bài cá nhân. | - HS làm bài cá nhân vào vở bài tập Toán trang 103. |
| - GV tổ chức cho HS chơi tiếp sức để chia sẻ kết quả: *GV ghi sẵn bài tập 2 như SGK, chia lớp làm 2 đội, sau đó chọn mỗi đội 4 bạn để thi tiếp sức viết kết quả tỉ số phần trăm đúng* | - 8 HS chia làm 2 đội, mỗi thành viên sẽ luân phiên chạy lên ghi kết quả vào chỗ trống theo kiểu tiếp sức.  - Chơi xong các 2 đội chơi giữ nguyên đội hình. |
| - GV **khuyến khích** HS nói tại sao lại ra kết quả tỉ số phần trăm như vậy bằng trò chơi “Bạn hỏi – Tôi trả lời”.  - GV nhận xét, chữa bài, chốt đáp án đúng, chuyển mạch sang BT3.  **Bài 3.**  - GV mời 1HS đọc đề BT3.  - Bài toán cho biết gì ?  - Bài toán hỏi gì ?  - Hỏi: Bài toán thuộc dạng gì của bài toán tỉ số phần trăm.  - Muốn tìm số học sinh là tình nguyện viên chiếm bao nhiêu phần trăm ta làm thế nào?  - Yêu cầu cả lớp làm vở, 1HS làm bảng lớp.  - Mời HS nhận xét bài trên bảng  - Chốt bài giải đúng, yêu cầu HS chữa bài. | \*Học sinh dưới lớp hỏi:  +Tại sao bạn điền 3 : 8 = 37,5% ?  +HS trong đội chơi điền bài đó trả lời  - HS theo dõi, chữa bài.  - Kết quả:  *a) 3 : 8 = 0,375 = 37,5%*  *b) 3,2 : 8 = 0,4 = 40%*  *c) 20 : 16 = 1,25 = 125%*  *d) 7 : 5 = 1,4 = 140%*  ***Nhiệm vụ 3: Hoàn thành BT3***  *Khối Năm của một trường tiểu học có 150 học sinh, trong đó có 30 em là tình nguyện viên đội bảo vệ môi trường. Hỏi khối Năm của trường tiểu học đó có bao nhiêu phần trăm học sinh là tình nguyện viên đội bảo vệ môi trường?*  - 1HS đọc đề BT3  - Cho biết: Khối Năm có 150 học sinh, trong đó có 30 em là tình nguyện viên.  - Hỏi: Số học sinh là tình nguyện viên chiếm bao nhiêu phần trăm?  **-** Bài toán thuộc Dạng 1**: “Tìm tỉ số phần trăm của hai số”.**  - Lấy 30 chia cho 100 rồi nhân nhẩm với 100.  - Cả lớp làm VBT trang 103, 1HS làm bảng lớp.  - HS nhận xét  - Chữa bài  *Bài giải*  *Tỉ số % số học sinh khối Năm là tình nguyện viên đội bảo vệ môi trường chiếm là:*  *30 : 150 = 0,2 = 20%*  *Đáp số: 20%* |
| **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG TRẢI NGHIỆM (5P)**  **\*Mục tiêu:** Giúp HS Giải bài toán liên quan đến tìm giá trị phần trăm của một số cho trước; giáo dục HS biết yêu và bảo vệ rừng. | |
| **Bài 4.**  - GV mời 1HS đọc đề BT3.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, phân tích và suy nghĩ cách giải, trình bày kết quả thảo luận vào bảng nhóm; thời gian 3 phút  - Mời HS trình bày kết quả thảo luận, tổ chức hỏi đáp để tìm bài toán cho, bài toán hỏi, thuộc dạng nào, làm thế nào để giải.  - Chốt bài giải đúng, tuyên dương các nhóm có kết quả đúng.  **- Tích hợp GD bảo vệ Môi trường:**  **Mở rộng**: GV cho HS chia sẻ về những tác hại của việc phá hủy rừng nguyên sinh và công tác tuyên truyền bảo vệ rừng.  - Hỏi: Qua bài toán ta thấy được những nguyên nhân làm giảm diện tích rừng. Vậy chúng ta cần làm gì để bảo vệ rừng?  **\* Củng cố, dặn dò** (2p)  - Mời HS nêu cách tìm tỉ số phần trăm của hai số; tìm giá trị phần trăm của một số cho trước.  - Nhận xét tiết học | ***Nhiệm vụ 4: Hoàn thành BT4***  *Theo một tổ chức quốc tế về bảo vệ rừng nhiệt đới, trên thế giới có khoảng 14,5 triệu km2 rừng nhiệt đới nguyên sinh. Tuy nhiên, khoảng 34% diện tích rừng đó đã bị phá hủy, chủ yếu do việc khái thác gỗ và chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Tính diện tích rừng bị phá hủy.*  - 1HS đọc đề BT4  - Lập nhóm, thực hiện yêu cầu.  - Cho biết: Có khoảng 14,5 triệu km2 rửng nhiệt đới nguyên sinh. Trong đó, 34% diện tích đã bị phá hủy.  - Hỏi: Tính diện tích rừng bị phá hủy.  **-** Bài toán thuộc Dạng 2**: “Tìm giá trị phần trăm của một số cho trước”.**  *Bài giải*  Diện tích rừng bị phá hủy là:  14,5 x 34% = 4,93 (triệu km2)  Đáp số: 4,93 triệu km2.  - Lắng nghe.  HS lắng nghe.  HS trả lời.  HS trả lời.  - Lắng nghe. |

**BÀI 43: LUYỆN TẬP CHUNG**

**(TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:**

**1. Năng lực đặc thù:**

* Biết vận dụng giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản trong đó có vấn đề liên quan đến tìm tỉ số % của tiền lãi (lỗ).
* Thông qua việc quan sát, lập luận, thực hành, diễn đạt, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung:**

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

* + Ti vi (máy chiếu), máy tính, bài trình chiếu PPT, bảng phụ, các đồ dùng dạy học cần thiết. Một số tình huống học tập, trò chơi, hình ảnh, video minh họa.
  + SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

* Bảng con, các đồ dùng học tập cần thiết, SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động khởi động (5 phút)**  **Mục tiêu:** *Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.* | |
| - Gv tổ chức trò chơi **Xe buýt** để khởi động tiết học. Cụ thể như sau: HS múa hát theo nền nhạc xe buýt di chuyển. Khi xe dừng sẽ đưa ra 1 câu hỏi, trả lời đúng sẽ đón được bạn lên xe buýt. Tiếp tục hành trình như vậy.  ***\*Lưu ý:*** Trong quá trình chơi, GV có thể dừng lại để hỏi cách làm để cứu HS bị dừng lại.  **Câu 1**: Viết số thập phân 0,09 dưới dạng tỉ số phần trăm.  **Câu 2**: Ghi chữ cái trước câu trả lời đúng:  Tỉ số phần trăm của 30 và 150 là:  A. 2% B. 5% C. 20% D. 50%  **Câu 3:** Điền tiếp vào chỗ trống: 20% của 50m2 là …  - GV nhận xét, tổng kết hoạt động và dẫn dắt vào tiết học mới. | - HS cả lớp chơi bằng cách ghi đáp án đúng vào bảng con. Ai sai thì phải dừng lại. Ai đúng tiếp tục hành trình cùng xe buýt.  - Đáp án: 9%  - Đáp án: C  - Đáp án: 10 m2 | |
| **B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH LUYỆN TẬP (20P)**  **\* Mục tiêu:** *Học sinh giải được bài 5, 6, 7 để biết vận dụng giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản trong đó có vấn đề liên quan đến tìm tỉ số % của tiền lãi (lỗ), biết thực hành tiết kiệm.* | | |
| **\* Cách tiến hành:**  **Bài 5**  - GV mời 1HS đọc đề BT5.  - Bài toán cho biết tiền vốn là bao nhiêu? Tiền thu được là bao nhiêu? So sánh tiền thu được và tiền vốn  - Bài toán hỏi gì?  - Thế nào là tiền lãi ? Muốn tính tiền lãi ta làm thế nào?  - GV gợi ý cho HS nhận biết:  *+ Tiền lãi = Tiền thu được – Tiền vốn*  *Tiền vốn là giá gốc, tiền thu được là giá bán.*  *+ Tiền bán cao hơn Tiền gốc sẽ sinh lãi.*  - Yêu cầu cả lớp làm vở, 2HS lần lượt làm bảng lớp.  - GV mời HS nhận xét  - GV chốt bài giải đúng. Rút ra:  Gọi tiền vốn là giá gốc, tiền thu được là tiền bán.  Khi tiền bán cao hơn giá gốc thì ta có tiền lãi.  Tiền lãi = Tiền thu được (tiền bán hàng) – tiền vốn.  - Mời 1-2 HS đọc lại kết luận  - Vậy khi số tiền thu được ít hơn tiền vốn thì ta gọi là gì ? Mời các em sang bài 6.  **Bài 6**  - GV mời 1HS đọc đề Bài 6.  - Bài toán cho biết tiền vốn là bao nhiêu? Tiền thu được là bao nhiêu? So sánh tiền thu được và tiền vốn?  - Bài toán hỏi gì?  - Thế nào là tiền lỗ ? Muốn tính tiền lỗ ta làm thế nào?  - GV gợi ý cho HS nhận biết:  *+ Tiền lỗ = Tiền vốn – Tiền thu được*  *Tiền vốn là giá gốc, tiền thu được là giá bán*.  + *Tiền bán thấp hơn tiền gốc sẽ sinh lỗ.*  - Yêu cầu HS làm vở rồi 2 bạn trao đổi kết quả với nhau.  - GV mời HS đọc bài giải của mình  - GV chốt bài giải đúng.  Rút ra: Khi tiền bán thấp hơn giá gốc thì ta có tiền lỗ.  Tiền lỗ = Tiền vốn - Tiền thu được (tiền bán).  - Mời 1-2HS đọc lại kết luận.  - Chuyển ý sang bài 7. | ***Nhiệm vụ 5: Hoàn thành BT5***  *Một người bán hàng chi ra số tiền vốn là 2 000 000 đồng để mua hàng. Sau khi bán hết hàng thì người đó thu được số tiền là 2 200 000 đồng. Hỏi:*  *a) Người bán hàng đó đã được lãi bao nhiêu tiền?*  *b) Tiền lãi bằng bao nhiêu phần trăm của tiền vốn?*  - 1HS đọc đề bài 5  - Cho biết: Tiền vốn: 2 000 000 đồng; tiền thu được 2 200 000 đồng. Tiền thu được cao hơn tiền vốn  - Hỏi: a) Tính tiền lãi ?  b) Tỉ số phần trăm của tiền lãi và tiền vốn ?  - Tiền lãi là tiền thu được cao hơn tiền vốn. **Tiền lãi = Tiền thu được – Tiền vốn**  - Cả lớp làm VBT trang 104, 2HS làm bảng lớp.  Bài giải:  a) Số tiền người bán hàng đó đã lãi là:  2 200 000 – 2 000 000 = 200 000 (đồng)  b) Tỉ số phần trăm của tiền lãi so với tiền vốn là:  200 000 : 2 000 000 = 10%  Đáp số: a) 200 000 đồng; b) 10%.  - HS nhận xét bài làm của bạn; chữa bài.  - Lắng nghe.  ***Nhiệm vụ 6: Hoàn thành BT6***  *Một người bán hàng chi ra số tiền vốn là 3 000 000 đồng để mua hàng. Sau khi bán hết hàng thì người đó thu được số tiền là 2 850 000 đồng. Hỏi:*  *a) Người bán hàng đó đã bị lỗ bao nhiêu tiền?*  *b) Tiền lỗ bằng bao nhiêu phần trăm của tiền vốn?*  -1HS đọc đề bài 6.  - Cho biết: Tiền vốn: 3 000 000 đồng; tiền thu được 2 850 000 đồng. Tiền thu được thấp hơn tiền vốn.  - Hỏi: a) Tính tiền lỗ?  b) Tỉ số phần trăm của tiền lỗ và tiền vốn ?  - Tiền lỗ là tiền thu được thấp hơn tiền vốn. **Tiền lỗ = Tiền vốn – Tiền thu được**  - HS làm VBT trang 104  *Bài giải*  *a) Số tiền lỗ là:*  *3 000 000 - 2 850 000 = 150 000 (đồng)*  *b) Tỉ số phần trăm của tiền lỗ so với tiền vốn là:*  *150 000 : 3 000 000 = 5%*  *Đáp số: Lỗ 150 000 đồng, bằng 5% tiền vốn*  - Lắng nghe, nhận xét | |
| **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG TRẢI NGHIỆM (8P)**  **\* Mục tiêu:** *Giúp HS biết phân tích số liệu trong bảng số liệu; vận dụng giải toán tìm tỉ số phần trăm của hai số trong thực tiễn.* | | |
| **\* Cách tiến hành:**  **Bài 7**  - GV giới thiệu đây là bảng số liệu thống kê ghi chi tiêu trong tháng 8 của gia đình Cô Lan.  - H: Bảng số liệu có mấy cột? Nêu tên các cột?  - Mời 2HS đọc bảng số liệu theo cột.  - Bài toán yêu cầu em làm gì?  - Yêu cầu HS đọc thầm lại bảng số liệu, suy nghĩ làm thế nào để tính số tiền gia đình Cô Lan đã chi tiêu tất cả trong tháng 8 ?  - Để tính gia đình Cô Lan đã chi bao nhiêu % cho một nội dung chi ta làm thế nào?  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 để trả lời các câu hỏi của Bài 7, viết kết quả thảo luận vào bảng nhóm. Thời gian thảo luận 5 phút.  - Mời đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét.  - Chốt câu trả lời đúng, tuyên dương nhóm làm đúng.  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Hoàn thành bài tập trong SBT.  - Đọc và chuẩn bị trước Bài 44 – *Sử dụng máy tính cầm tay* | ***Nhiệm vụ 7: Hoàn thành BT7***  *Chi tiêu trong tháng 8 của gia đình cô Lan được ghi lại như sau:*    *Đọc bảng trên và cho biết:*  *a) Gia đình cô Lan đã chi tiêu tất cả bao nhiêu tiền vào tháng 8?*  *b) Gia đình cô Lan đã chi bao nhiêu phần trăm cho tiền ăn? Bao nhiêu phần trăm cho tiết kiệm?*  *c) Đặt các câu hỏi liên quan đến thông tin trên.*  - Quan sát.  - 2 cột. Cột 1: Nội dung chi. Cột 2: Số tiền (đơn vị tính là đồng)  - 2 HS đọc.  - Nêu yêu cầu bài toán.  - Đổi 600 nghìn = 0,6 triệu rồi tính tổng số tiền các nội dung chi trong tháng 8.  - Nội dung chi : tổng số tiền chi trong tháng 8.  - Lập nhóm, thảo luận.  a) Số tiền gia đình cô Lan đã chi tiêu trong tháng 8 là:  600 nghìn = 0,6 triệu  4,8 + 0,9 + 3 + 0,6 + 1,2+ 1,5= 12 (triệu đồng)  a) Trong tổng số tiền chi tiêu, tiền ăn chiếm tỉ số phần trăm là:  4,8: 12 = 40%  Tiền tiết kiệm chiếm tỉ số phần trăm là:  2: 12=10%  b) – Tiền điện, nước, Internet chiếm bao nhiêu phần trăm?  - Tiền học chiếm bao nhiêu phần trăm?  - Tiền xăng xe, đi lại chiếm bao nhiêu phần trăm?  - Các khoản chi khác chiếm bao nhiêu phần trăm?  - 1-2 nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung  - Lắng nghe.  - Kết quả:  *600 nghìn = 0,6 triệu*  *a) Số tiền gia đình cô Lan đã chi tiêu trong tháng 8 là:*  *4,8 + 0,9 + 3 + 0,6 + 1,2 + 1,5 = 12 (triệu)*  *b) Trong tổng số tiền chi tiêu, tiền ăn chiếm tỉ số phần trăm là:*  *4,8 : 12 = 40%*  *Tiền tiết kiệm chiếm tỉ số phần trăm là:*  *1,2 : 12 = 10%*  *c) Có thể đặt các câu hỏi :*  *- Tiền điện, nước, internet chiếm bao nhiêu phần trăm?*  *- Tiền học chiếm bao nhiêu phần trăm?*  *- Tiền xăng xe, đi lại chiếm bao nhiêu phần trăm?*  *….*  - Trả lời theo hiểu biết  - Nắm vững công thức giải toán tỉ số phần trăm; yêu thích học Toán | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

**BÀI 44: SỬ DỤNG MÁY TÍNH CẦM TAY**

**(TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:**

**1. Năng lực đặc thù:**

* Làm quen với việc sử dụng máy tính cầm tay để thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia các số tự nhiên; tính tỉ số phần trăm của hai số; tính giá trị phần trăm của một số cho trước.
* HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung:**

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

* + Ti vi (máy chiếu), máy tính, bài trình chiếu PPT, bảng phụ, các đồ dùng dạy học cần thiết. Một số tình huống học tập, trò chơi, hình ảnh, video minh họa.
  + SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

* Bảng con, các đồ dùng học tập cần thiết, SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động khởi động (5 phút)**  **Mục tiêu:** *Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.* | |
| - GV chiếu hình ảnh ***Khởi động***, cho HS quan sát và thảo luận nhóm chia sẻ những tình huống trong cuộc sống có sử dụng máy tính cầm tay mà em được chứng kiến.    - GV giới thiệu: *“Máy tính cầm tay là một công cụ tính toán được mọi người sử dụng rộng rãi trong cuộc sống”.*  *“Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu cách sử dụng máy tính cầm tay và ứng dụng của máy tính cầm tay trong cuộc sống nhé!* ***Bài 44: Sử dụng máy tính cầm tay****”.* | - HS quan sát, chia sẻ :  Gợi ý: Máy tính cầm tay dùng để:  + Tính tiền mua hàng.  + Tính khối lượng hàng nhập về.  + Tính số lượng sản phẩm.  …..  - HS chú ý lắng nghe, hình thành động cơ học tập. |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (12P)**  **\* Mục tiêu*:*** *HS biết cách sử dụng và chức năng của một số phím cơ bản trên máy tính cầm tay; sử dụng máy tính cầm tay để tính các phép tính đơn giản.* | |
| **\* Cách tiến hành:**  - GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp với nhiệm vụ học tập:  + Quan sát máy tính cầm tay của mình, kết hợp đọc thông tin ở SGK/105 để: **Chỉ và nói cho bạn nghe cách sử dụng và chức năng của một số phím trên máy tính mà em biết.**  **-** Mời các nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - Nhận xét, trình chiếu trên màn hình máy tính cầm tay, GV giới thiệu máy tính cầm tay là một công cụ tính toán được mọi người sử dụng rộng rãi trong cuộc sống và chốt lại một số thông tin cơ bản trên máy tính cầm tay như phần bài học SGK.  - Mời 1 HS lên chỉ màn hình và nhắc lại.  **2) Thực hiện các phép tính bằng máy tính cầm tay**  ON/CC  - GV yêu cầu HS ấn phím trên bàn phím và nêu: bấm phím dùng để bật cho máy làm việc.  - Nêu yêu cầu: Em hãy dùng máy tính cầm tay để tìm kết quả của phép tính 26,8 + 5,09  - H: Để thực hiện phép tính trên chúng ta cần bấm những phím nào trên máy tính?  - Yêu cầu HS thực hiện, GV đọc (hoặc mời 1 HS đọc) từng phím cho cả lớp ấn theo.  - Mời HS đọc kết quả xuất hiện trên màn hình.  - Khen ngợi những HS ra kết quả đúng, giúp đỡ HS còn chậm.  **- Kết luận**: **Để thực hiện các phép tính với máy tính cầm tay, ta bấm các phím lần lượt như sau:**  **+ Bấm số thứ nhất**  **+ Bấm dấu phép tính (+, -, x, :)**  **+ Bấm số thứ hai**  **+ Bấm dấu =**  **Sau đó đọc kết quả xuất hiện trên màn hình .** | - Làm việc theo cặp, thực hiện nhiệm vụ học tập.    - 2-3 nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, bổ sung.  - Quan sát, theo dõi.  - 1HS thực hiện, cả lớp theo dõi.  - Thao tác trên máy tính của mình.  - Lắng nghe.  - Phát biểu ý kiến  - Thao tác trên máy tính của mình.  - 31.89 hay 31,89  - Vỗ tay khen ngợi, hỗ trợ giúp đỡ bạn chậm.  - Cả lớp theo dõi.  - 1-2HS nhắc lại kết luận. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP THỰC HÀNH (18P)**  **\* Mục tiêu:** *HS làm quen với việc sử dụng máy tính cầm tay để thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia các STN; tính tỉ số % của hai số; tính giá trị phần trăm của một số cho trước.* | |
| **\* Cách tiến hành:**  **Bài 1**  - GV giới thiệu kí kiệu nghĩa là HS sử dụng máy tính cầm tay để tính hoặc kiểm tra lại kết quả tính.  - Mời HS nêu yêu cầu bài 1a, b.  - GV lưu ý:  + Để tính đúng kết quả các phép tính ở bài 1a chúng ta cần làm gì?  + Ở bài 1b yêu cầu dùng máy tính cầm tay để tìm thương của các phép chia. Mẫu cho em phép chia nào?  + GV mời 1HS dùng máy tính cầm tay thực hiện trước lớp phép chia 19 : 30 và nêu kết quả trên màn hình.  + GV hướng dẫn: phần thập phân của thương có nhiều chữ số thì chỉ lấy đến 4 chữ số. Như vậy ta sẽ có kết quả thương của phép chia 19:30 viết gọn là mấy?  + GV lưu ý chỉ lấy đến 4 chữ số ở phần thập phân của thương chứ không làm tròn.  - Tổ chức trò chơi **“Giải cứu rừng xanh”** để thực hiện yêu cầu bài 1. GV đặt vấn đề: Có một nhóm lâm tặc đang hoành hành phá hủy rừng xanh. Em hãy giúp các chú khỉ tiêu diệt bọn lâm tặc bằng cách trả lời đúng các câu hỏi sau. Mỗi câu trả lời đúng sẽ tiêu diệt được 1 tên lâm tặc.  - Triển khai trò chơi. GV nên mời HS nêu to cách ấn phím trên máy tính cầm tay để tìm kết quả phép tính.  - Tổng kết trò chơi, khen ngợi HS sử dụng máy tính để tính đúng.  - **Chuyển ý:** *Như vậy các em đã biết sử dụng máy tính cầm tay để thực hiện các biểu thức chứa một phép tính. Vậy sử dụng máy tính để tính tỉ số phần trăm của hai số; tính giá trị phần trăm của một số cho trước như thế nào, chúng ta cùng qua bài 2.*  **Bài 2**  **a) Bài 2a**  - GV mời HS đọc yêu cầu bài 2a  - GV mời HS theo dõi màn hình TV và hướng dẫn: bảng gồm 3 cột, cột 1 là yêu cầu tính; cột 2 là Nút ấn, Cột 3 là Kết quả. Cột 1 gồm có mấy yêu cầu? Đó là những yêu cầu gì?  - Yêu cầu 1 và 2 thuộc dạng nào?  - Mời cả lớp dùng máy tính cầm tay thực hiện yêu cầu 1 và 2; 2HS thực hiện trước lớp và nêu cách ấn phím.  - Nhận xét. Chốt kết quả đúng.  - Mời 1HS đọc yêu cầu 3 và 4? Những yêu cầu đó thuộc dạng nào?  - Mời cả lớp dùng máy tính cầm tay thực hiện yêu cầu 1 và 2; 2 HS thực hiện trước lớp và nêu cách ấn phím.  - Nhận xét  - Yêu cầu HS nêu điểm khác biệt khi sử dụng máy tính trong 2 trường hợp trên.  - GV nhận xét, chốt ra cách sử dụng máy tính cho 2 dạng toán liên quan đến tỉ số phần trăm. Mời HS nhắc lại.  **b) Bài 2b,c,d**  - GV yêu cầu HS vận dụng cách ấn phím đã tìm hiểu ở bài 2a để thực hành làm bài 2b,c,d theo cặp; làm vào VBT trang 107  - Tổ chức cho HS báo cáo kết quả.  - Yêu cầu HS thử kiêm tra xem máy tinh của mình có thể tự nhận ra thứ tự thực hiện các phép tính trong hai biểu thức ở bài 2d không.  - GV lưu ý HS cần giúp máy tính hiểu thứ tự thực hiện phép tính đúng. Vì vậy, nếu như máy không tự nhận được đúng quy tắc tính giá trị biểu thức thì cần có cách ấn phím thích hợp để máy tính đúng giá trị biểu thức.  **\*Củng cố, dặn dò (2p)**  - Mời HS nhắc lại cách sử dụng máy tính để thực hiện tính các phép tính; để tìm tỉ số phần trăm của hai số; tìm giá trị phần trăm của một số cho trước.  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò HS về nhà thực hành sử dụng máy tính cầm tay để tính các tình huống trong thực tiễn. | ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT1***  *a) Dùng máy tính cầm tay, tính bằng cách thực hiện ấn các phím theo thứ tự như bảng sau rồi nêu kết quả:*    *b) Dùng máy tính cầm tay để tìm kết quả của các phép chia sau (nếu phần thập phân của thương có nhiều chữ số thì chỉ lấy đến 4 chữ số):*    *26 : 30*  *538 : 74*  *338 : 60*  - Lắng nghe  - 2HS lần lượt nêu yêu cầu bài 1a, 1b.  - Cần thực hiện ấn các phím đúng thứ tự như bài yêu cầu  + 19 : 30  + 1HS thực hiện,nêu kết quả: 0,633333…  + 0,6333  - Lắng nghe luật chơi, cách chơi.  - Tham gia trò chơi   a)   |  |  | | --- | --- | | ***Phép tính*** | ***Kết quả*** | | *1 987 + 8 065* | *10 052* | | *63 241 – 6 968* | *56 273* | | *569 x 34* | *19 346* | | *49 503 : 87* | *569* |   *b)*  *26 : 30 = 0,8666666… = 0,8666*  *538 : 74 = 7,270270270… = 0,2702*  *338 : 60 = 5,633333… = 5,6333*  ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT2***  *a) Dùng máy tính cầm tay, tính bằng cách thực hiện ấn các phím theo thứ tự như bảng sau rồi nêu kết quả:*    *b) Dùng máy tính cầm tay để tìm tỉ số phần trăm của hai số sau (nếu phần thập phân của kết quả có nhiều chữ số thì chỉ lấy đến 2 chữ số):*  *7 và 9*  *368 và 12*  *126 và 314*  *c) Dùng máy tính cầm tay để tìm giá trị phần trăm của một số:*  *25% của 165 115% của 80*  *d) Dùng máy tính cầm tay để tìm giá trị của mỗi biểu thức sau:*  *35 – 4 5 125 – 25 : 5*  - Dùng máy tính cầm tay, tính bằng cách thực hiện ấn các phím theo thứ tự như bảng sau rồi nêu kết quả  - Theo dõi, trả lời.  - Tìm tỉ số phần trăm của hai số.  - Thực hiện. Nêu cách ấn phím và kết quả. HS khác nhận xét bạn.   |  |  | | --- | --- | |  | ***Kết quả*** | | *Tỉ số phần trăm của 8 và 20* | *40%* | | *Tỉ số phần trăm của 23 và 92* | *25%* |   - Tìm giá trị % của một số cho trước.  - Thực hiện. Nêu cách ấn phím và kết quả. HS khác nhận xét bạn.   |  |  | | --- | --- | | *34% của 71* | *24,14* | | *28% của 42* | *11,76* |   + Để tính tỉ số phần trăm của hai số a và b: chỉ cần **ấn a : b, ấn kí hiệu %, ấn phím = là có kêt quả.**  + Để tính giá trị phần trăm của một số cho trước(a% của b): chỉ **cần ấn b x a, ấn kí hiệu %, ấn phím = là có kết quả.**  - Lắng nghe, nhắc lại cách ấn phím.  - Trao đổi, thực hành theo cặp; viết kết quả vào VBT trang 107  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả lần lượt từng phép tính của từng bài: nêu cách ấn phím và kết quả. Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung, góp ý nhận xét.  *b) Tỉ số phần trăm của 7 và 9 là:*  *7 : 9% = 77,777777… = 77,77%*  *Tỉ số phần trăm của 368 và 12 là:*  *368 : 12% = 30,66666… = 30,66%*  *Tỉ số phần trăm của 126 và 314 là:*  *126 : 314% = 40,1273… = 40,12%*  *c) 25% của 165 là:*  *165 x 25% = 41,25*  *115% của 80 là:*  *80 x 115% = 92*  *d) 35 – 4 x 5 = 15*  *125 – 25 : 5 = 120*  - Kiểm tra, nêu kết quả.  - Lắng nghe.  - 3HS lần lượt nhắc lại. Cả lớp lắng nghe, bổ sung.  - Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

Điều chỉnh HĐ Khởi động:

Khởi động bằng trò chơi, cách tổ chức như sau:

|  |
| --- |
| - GV tổ chức trò chơi ***Phóng viên*** để khởi động. Cụ thể như sau: 1HS đóng vai phóng viên đến từ Tạp chí ***Toán Tuổi thơ*** muốn phỏng vấn các bạn lớp mình về một đồ vật.  - *Phóng viên*: *(đưa ra máy tính cầm tay)* Đố các bạn biết đây là đồ vật gì ?  🡪 - Máy tính cầm tay/ Máy tính bỏ túi/ máy tính.  - *Phóng viên*: Bạn có thể chia sẻ những tình huống trong cuộc sống có sử dụng máy tính cầm tay mà bạn đã được chứng kiến.  - 2-3 HS chia sẻ  - *Phóng viên*: Theo bạn, máy tính cầm tay giúp ích gì cho cuộc sống của con người?  - Trả lời theo hiểu biết  - GV nhận xét, tổng kết hoạt động và dẫn dắt vào tiết học mới: Chiếc máy tính cầm tay sẽ có công dụng và cách sử dụng như thế nào, cô trò chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong tiết học hôm nay. Ghi tên bài trên bảng. |

**BÀI 44: SỬ DỤNG MÁY TÍNH CẦM TAY**

**(TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:**

**1. Năng lực đặc thù:**

* Sử dụng máy tính cầm tay để giải quyết các bài toán liên quan đến tỉ số phần trăm; từ đó vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn có sự hỗ trợ của máy tính cầm tay để tính toán.
* HS có cơ hội được phát triển NL toán học: giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học, NL mô hình hóa toán học, NL giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung:**

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

* + Ti vi (máy chiếu), máy tính, bài trình chiếu PPT, bảng phụ, các đồ dùng dạy học cần thiết. Một số tình huống học tập, trò chơi, hình ảnh, video minh họa.
  + SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

* Bảng con, các đồ dùng học tập cần thiết, SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động khởi động (5 phút)**  **Mục tiêu:** *Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.* | |
| **-** Tổ chức trò chơi “**Ai nhanh ai đúng**” bằng cách chia lớp thành 2 đội. Mỗi đội cử 3 bạn để tham gia thi đấu. Các đội sẽ **sử dụng máy tính để tìm ra câu trả lời** và chạy tiếp sức lên bảng để viết câu trả lời của đội mình. Đội nào có kết quả đúng và nhanh sẽ giành phần thắng.  - Tiến hành chơi. Quản trò đọc câu hỏi:  Câu 1: Tìm kết quả của phép chia 26 : 30 (phần thập phân của thương chỉ lấy đến 4 chữ số)  Câu 2: Tìm giá trị của biểu thức 125 – 25: 5  Câu 3: Tìm 25% của 165  - Nhận xét, tuyên dương đội thắng cuộc; tổng kết hoạt động. | **-** Nghe phổ biến luật chơi. Lớp chia thành 2 đội. Mỗi đội cử 3 người chơi.  - Tham gia trò chơi.  - KQ: 0,8666  - KQ: 25  - KQ: 41,25  - Lắng nghe. |
| **B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP THỰC HÀNH (22P)**  **\* Mục tiêu:** *Giúp HS sử dụng máy tính cầm tay để giải quyết các bài toán liên quan đến tỉ số phần trăm; từ đó vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn có sự hỗ trợ của máy tính cầm tay để tính toán.* | |
| **\* Cách tiến hành:**  **Bài 3**  **Bài 3a**  - Mời HS đọc nội dung bài  - Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?  -GV nói rõ thêm tiền lãi ở đây là số tiền người gửi tiết kiệm nhận được từ ngân hàng người đó đã gửi tiền tiết kiệm theo kì hạn. Có thể hiểu đây là số tiền lãi cô Lan nhận được khi cho ngân hàng vay tiền của mình.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 để trả lời: Để tính số tiền lãi cô Lan nhận được ta làm thế nào ? Vì sao em làm như vậy?  - Nhận xét, chốt ý đúng.  - Yêu cầu HS sử dụng máy tính cầm tay để tìm và viết kết quả vào VBT trang 108  - Mời 1-2 HS đọc to kết quả, chia sẻ cách ấn phím máy tính. HS khác lắng nghe, bổ sung.  - Nhận xét, chốt đáp án; chuyển ý qua bài b.  **Bài 3b**  - Mời HS đọc nội dung bài  - Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?  - GV nói rõ thêm tiền lãi ở đây là số tiền người đó phải trả thêm cho ngân hàng theo lãi suất vì vay tiền của ngân hàng. Để tính số tiền lãi bác Thành phải trả trung bình mỗi tháng ta làm thế nào? Vì sao em làm như vậy?  - Yêu cầu HS sử dụng máy tính cầm tay để tìm và viết kết quả vào VBT trang 108  - Mời 1-2HS đọc to kết quả, chia sẻ cách ấn phím máy tính. HS khác lắng nghe, bổ sung.  - Nhận xét, chốt đáp án.  -H: Qua bài toán này bạn nào có thể rút ra cách làm thế nào để tính số tiền lãi tiết kiệm hay tiền lãi vay trong thực tiễn?  - Nhận xét, mời HS nhắc lại.  **Bài 4**  - Mời 1HS nêu yêu cầu bài tập  - Tỉ số % giảm của giá bán là bao nhiêu?  - Yêu cầu HS trao đổi, thảo luận theo cặp để đề xuất cách tính giá bán sau khi giảm giá của các mặt hàng ta làm thế nào?  - Mời HS chia sẻ cách tính trước lớp  - Chốt cách tính đúng:  **Giá bán sau khi giảm giá = Giá gốc – (Giá gốc x 15%)**  - Tổ chức trò chơi ***“Đi siêu thị”***, yêu cầu HS sử dụng máy tính cầm tay để tính giá bán sau khi giảm giá của mặt hàng GV yêu cầu trên màn hình TV và viết kết quả vào bảng con. HS trả lời đúng sẽ được tiếp tục đi siêu thị, sai bị dừng lại. Trong quá trình chơi, GV có thể dừng lại để hỏi HS cách tính, cách ấn phím để cứu 1 bạn bị dừng lại do HS trả lời đúng tự chọn.  - Nhận xét, tổng kết trò chơi. | ***Nhiệm vụ 3: Hoàn thành BT3***  *a) Lãi suất tiết kiệm tại một ngân hàng là 7% với kì hạn một năm. Tính số tiền lãi cô Duyên nhận được sau một năm, nếu số tiền cô gửi tiết kiệm vào ngân hàng đó là:*  *100 000 000 đồng*  *75 000 000 đồng.*  *b) Một ngân hàng cho vay với lãi suất 9% một năm. Nếu bác Thành vay ngân hàng đó 90 000 000 đồng thì trung bình mỗi tháng bác phải trả bao nhiêu tiền lãi?*  **-** 1HS đọc nội dung bài 3a  + Bài toán cho biết: Lãi suất tiết kiệm tại một ngân hàng là 7% với kì hạn một năm  + Bài toán hỏi: Tính số tiền lãi cô Lan nhận được sau một năm, nếu số tiền cô gửi tiết kiệm vào ngân hàng lần lượt là 100 000 000 đồng; 75 000 000 đồng.  - Lắng nghe.  - Số tiền lãi = Tiền gửi x 7%. Vì đây là dạng toán tính giá trị phần trăm của một số cho trước.  - Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung.  *a) Số tiền lãi cô Lan nhận được sau một năm, nếu cô gửi tiết kiệm vào ngân hàng*  *100 000 000 đồng là:*  *100 000 000 x 7% = 7 000 000 (đồng)*  *Số tiền lãi cô Lan nhận được sau một năm, nếu cô gửi tiết kiệm vào ngân hàng*  *75 000 000 đồng là:*  *75 000 000 x 7% = 5 250 000 (đồng)*  **-** 1HS đọc nội dung bài 3b  + Bài toán cho biết: Một ngân hàng cho vay với lãi suất 9% một năm  + Bài toán hỏi: trung bình mỗi tháng bác Thành phải trả bao nhiêu tiền lãi nếu vay ngân hàng 90 000 000 đồng.  - Số tiền lãi = (Tiền vay x 9%): 12. Vì đây là dạng toán tính giá trị phần trăm của một số cho trước.  *b) Số tiền lãi mỗi năm bác Thành phải trả là:*  *90 000 000 x 9% = 8 100 000 (đồng)*  *Trung bình mỗi tháng, số tiền lãi bác Thành phải trả là:*  *8 100 000 : 12 = 675 000 (đồng)*  - **Số tiền lãi = Tiền gửi (Tiền vay) x tỉ số phần trăm lãi suất**  ***Nhiệm vụ 4: Hoàn thành BT4***  *Tính giá bán sau khi giảm giá của một số mặt hàng sau:*  *Khai trương và giảm giá 15% tất cả các mặt hàng.*    - 1-2 HS nhắc lại.  - 1HS nêu: Sử dụng máy tính cầm tay để tính giá bán sau khi giảm giá của một số mặt hàng  - TL: 15%  - Thảo luận theo cặp, đề xuất cách tính  - Đại diện các nhóm chia sẻ cách tính  - Lắng nghe.  - Lắng nghe cách chơi, tham gia chơi.  - Kết quả:  *Giá bán sau khi giảm giá của bàn là hơi nước là:*  *799 000 – (799 000 15%) = 679 150 (đồng)*  *Giá bán sau khi giảm giá của máy sấy tóc là:*  *499 000 – (499 000 15%) = 424 150 (đồng)*  *Giá bán sau khi giảm giá của máy xay sinh tố là:*  *1 390 000 – ( 1 390 000 15%) = 1 181 500 (đồng)*  *Giá bán sau khi giảm giá của ấm siêu tốc là:*  *540 000 – (540 000 15%) = 459 000 (đồng)*  *Giá bán sau khi giảm giá của nồi chiên không dầu là:*  *1 390 000 – (1 390 000 155) = 1 181 500 (đồng)* |
| **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (8P)**  **\* Mục tiêu**: *Giúp HS vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn có sự hỗ trợ của máy tính cầm tay để tính toán; giáo dục ý thức tiết kiệm, quản lý tài chính trong gia đình.* | |
| **\* Cách tiến hành:**  **Bài 5**  - Mời 1HS đọc nội dung bài tập  - Yêu cầu HS **xác định** việc cần làm  - Các khoản đó là gì và tỉ lệ bao nhiêu?  - Sử dụng kĩ thuật dạy học Mảnh ghép.  + Nhóm chuyên gia: mỗi nhóm suy nghĩ, trao đổi, thảo luận tìm số tiền dành cho mỗi khoản.  + Nhóm mảnh ghép: chia sẻ cách tìm số tiền dành cho 3 khoản.  + Mời đại diện các nhóm lên trình bày kết quả thảo luận  - Nhận xét, tổng kết hoạt động  - GV cho HS liên hệ thực tế việc quản lí tài chính trong gia đình mình. Giới thiệu cho HS biết một số cách quản lí tài chính gia đình hợp lí.  **Mở rộng**: *GV cho HS liên hệ thực tế việc quản lí tài chính trong gia đình mình. Giới thiệu cho HS biết một số cách quản lí tài chính gia đình hợp lí:*  *+ Có kế hoạch chi tiêu.*  *+ Có mục tiêu tài chính.*  *+ Chi tiêu có mục đích*  *+ Lên kế hoạch tiết kiệm hợp lý.*  ….  \* **Củng cố, dặn dò** (1p)  - Qua bài học ngày hôm nay, các em biết thêm được điều gì?  - Khi sử dụng máy tính cầm tay để tính toán, cần lưu ý những gì?  - Liên hệ về nhà tìm tình huống thực tế liên quan đến việc sử dụng máy tính cầm tay  **\* DẶN DÒ**  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Hoàn thành bài tập trong VBT.  - Đọc và chuẩn bị trước **Bài 45 – *Tỉ lệ bản đồ.*** | ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT5***  *Sau khi được tư vấn về quản lí tài chính, chị Mai quyết định chia thu nhập của gia đình thành 3 khoản với tỉ lệ như sau:*   * *50% chi tiêu cho những việc thiết yếu như tiền nhà, tiền ăn uống, tiền điện nước,…* * *30% chi tiêu cho các mong muốn khác như đi du lịch, mua sắm, giải trí,…* * *20% dành cho tiết kiệm.*   *Biết rằng tổng thu nhập hàng tháng của gia đình chị Mai khoảng 17 triệu đồng. Em hãy tính giúp chị Mai số tiền dành cho mỗi khoản theo tỉ lệ như trên.*  - 1HS đọc, lớp theo dõi.  - **Tính** giúp chị Mai **số tiền dành cho mỗi khoản** theo tỉ lệ bài đã cho, biết tổng số tiền thu nhập khoảng 17 triệu đồng.  - Việc thiết yếu: 50%  Chi tiêu khác: 30%  Tiết kiệm hoặc trả nợ : 20%  - Tiến hành theo nhóm chuyên gia; nhóm mảnh ghép.  - Đại diện 2-3 nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, bổ sung.   |  |  | | --- | --- | | 50% chi tiêu cho những việc thiết yếu | 8 500 000 đồng | | 30% cho các chi tiêu mong muốn khác | 5 100 000 đồng | | 20% dành cho tiết kiệm hoặc trả nợ | 3 400 000 đồng |   Kết quả:  *Tổng thu nhập hàng tháng của gia đình chị Mai khoảng 17 triệu đồng thì:*  *+ Số tiền chi tiêu cho những việc thiết yếu như tiền nhà, tiền ăn uống, tiền điện nước,.. là: 17 50% = 8,5 triệu đồng.*  *+ Số tiền chi tiêu cho các mong muốn khác như đi du lịch, mua sắm, giải trí,…là: 17 30% = 5,1 (triệu đồng)*  *+ Số tiền dành cho tiết kiệm là: 17 20% = 3,4 (triệu đồng).*  - Lắng nghe.  - Trả lời theo suy nghĩ.  - TL  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghiệm.  - HS chú ý nghe, quan sát bảng và ghi vở. |

**BÀI 45: TỈ LỆ BẢN ĐỒ**

**(TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:**

**1. Năng lực đặc thù:**

* Hiểu được ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ (là tỉ số giữa hai độ dài).
* Vận dụng giải quyết vấn đề về tính toán liên quan đến quan hệ giữa độ dài thật (đo được trên thực tế) và độ dài đo được trên bản đồ.
* HS có cơ hội được phát triển NL toán học: giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học, NL mô hình hóa toán học, NL giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung:**

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

* + Ti vi (máy chiếu), máy tính, bài trình chiếu PPT, bảng phụ, các đồ dùng dạy học cần thiết. Một số tình huống học tập, trò chơi, hình ảnh, video minh họa.
  + SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

* Bảng con, các đồ dùng học tập cần thiết, SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động khởi động (5 phút)**  **Mục tiêu:** *Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.* | |
| **-** Tổ chức hát múa bài “Em yêu Tổ quốc Việt Nam”  - Hỏi: Các em đã được học về bản đồ trong môn địa lí, em hãy cho biết bản đồ là gì?  - *Để vẽ được bản đồ người ta phải dựa vào tỉ lệ bản đo, vậy tỉ lệ bản đồ là gì? Tỉ lệ bản đồ cho ta biết gì? Bài học hôm nay sẽ cho các em biết điều đó.* | **-** Hát múa bài “Em yêu Tổ quốc Việt Nam”.  - TL  - Lắng nghe. |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (12P)**  **\* Mục tiêu:** *HS hiểu được ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ (là tỉ số giữa hai độ dài).* | |
| **\* Cách tiến hành:**  **-** Treo bản đồ hành chính Việt Nam, giới thiệu tên bản đồ; đây chính là Hình 1 ở SGK/108.  - Yêu cầu HS quan sát Hình 1 SGK, tìm và đọc tỉ lệ bản đồ.  - Mời 1-2 HS lên bảng tìm và đọc tỉ lệ bản đồ.  - Nhận xét, giới thiệu: *ở góc trái phía dưới của bản đồ hành chính nước Việt Nam có ghi: “Tỉ lệ 1 : 10 000 000”. Tỉ lệ đó là tỉ lệ bản đồ.*  - Yêu cầu HS đọc thầm thông tin SGK/109, thảo luận theo cặp và cho biết:  ***+ Tỉ lệ bản đồ là gì?***  ***+ Tỉ lệ 1 : 10 000 000 trên bản đồ hành chính nước Việt Nam cho em biết điều gì?***  Thời gian thảo luận: 3p  - Mời đại diện các nhóm trả lời  - GV giảng thêm: Tỉ lệ bản đồ 1 : 10 000 000 cho biết hình nước Việt Nam được vẽ thu nhỏ mười triệu lần. Nếu biết độ dài 1 cm trên bản đồ thì độ dài thật tương ứng là:  1cm x 10 000 000 = 10000000 cm hay 100 km trên thực tế.  - GV nhận xét, kết luận:  + tỉ lệ bản đồ là một tỉ số giữa độ dài đo được trên bản đồ và độ dài thật đo được trên thực tế. **Như vậy Tỉ lệ bản đồ là tỉ số giữa hai độ dài (hoặc là tỉ số giữa hai khoảng cách).**  **+** tỉ lệ bản đồ có thể viết dưới dạng một phân số có tử số là 1.  - Mời 1-2HS nhắc lại, lớp theo dõi.  - GV giới thiệu thêm một số bản đồ, một số sơ đồ mặt bằng, yêu cầu HS trao đổi để tìm tỉ lệ bản đồ và tỉ lệ đó cho biết điều gì?  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 để tìm cách tính độ dài thật khi biết độ dài trên bản đồ và ngược lại.  - Mời đại diện 1-2 nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, bổ sung  - GV nhận xét, chốt cách tính:  **+ Độ dài thật = độ dài trên bản đồ x tỉ lệ**  **+ Độ dài trên bản đồ = độ dài thật : tỉ lệ**  **(chú ý đổi về cùng đơn vị đo)**  - Chuyển ý, sang hoạt động C. | - Quan sát, lắng nghe.  - Thực hiện  - 1-2 HS lên chỉ bản đồ trên bảng lớp, cả lớp theo dõi, nhận xét.  - Lắng nghe.  - Đọc thầm, thảo luận theo cặp.  - Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, bổ sung.  - Lắng nghe.  - Lắng nghe.  - Thực hiện  - Trao đổi với bạn để tìm tỉ lệ của bản đồ và ý nghĩa.  - Thực hiện  - 1-2 nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, bổ sung  - 1-2 HS nhắc lại cách tính |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP THỰC HÀNH (22P)**  **\* Mục tiêu:** *Giúp HS luyện tập, củng cố ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ và vận dụng để tính độ dài tương ứng khi đã biết số đo của một độ dài. Đồng thời củng cố kĩ năng đọc, viết tỉ lệ bản đồ* | |
| **\* Cách tiến hành:**  **Bài 1**  - Mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS **xác định** việc cần làm  - Muốn tính độ dài thật ta làm thế nào?  - Yêu cầu HS làm bài vào vở VBT trang 110.  - GV tổ chức trò chơi “Truyền điện” để giải bài 1.  *Quản trò : Truyền điện truyền điện*  *Quản trò: Truyền bạn … Nêu yêu cầu:*  *Ví dụ: Biết tỉ lệ bản đồ là 1 : 100. Độ dài trên bản đồ là 1 cm thì độ dài thật là bao nhiêu cm?*  - GV nhận xét cách đọc tỉ lệ bản đồ, cách hiểu ý nghĩa tỉ lệ bản đồ của HS; tổng kết trò chơi. Yêu cầu HS đổi chéo vở để chấm chữa bài.  **Bài 2**  - Mời 1HS đọc nội dung bài 2.  - Yêu cầu HS **xác định** việc cần làm  - Yêu cầu thảo luận nhóm 4 để làm bài 2, viết kết quả vào VBT trang 110,111. Thời gian thảo luận: 4 phút.  - Mời đại diện các nhóm lên trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung.  - Nhận xét, chốt câu trả lời đúng.  **\* Củng cố, dặn dò (2P)**  - Qua bài này, các em biết thêm được điều gì?  - Nhận xét tiết học.  - Dặn HS về nhà các em ôn lại về: tỉ lệ bản đồ; biết tỉ lệ bản đồ, tính độ dài thật khi biết độ dài đo được trên bản đồ. | ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT1***  *Số?*    - BT yêu cầu điền số  - Dựa vào tỉ lệ bản đồ, độ dài trên bản đồ để **tính độ dài thật.**  **-** Trả lời  - Làm bài vào VBT  - Tham gia trò chơi  *- Đáp: Truyền ai truyền ai*  *- Đáp: Độ dài thật là :*  *1 cm x 100 = 100cm.*  *-* HS đáp đúng sẽ được truyền điện đố tiếp bạn khác. Đáp án sai đứng tại chỗ.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | *Tỉ lệ bản đồ* | *1: 100* | *1:500* | *1:10 000* | *1:800 000* | | *Độ dài trên bản đồ* | *1 cm* | *1 mm* | *2 cm* | *5 mm* | | *Độ dài thật* | *100 cm* | *500 mm* | *20 000 cm* | *4 000 000 mm* |   - Lắng nghe. Tuyên dương bạn đáp đúng. Đổi chéo vở nhau để chấm chữa bài.  ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT2***  *Quan sát hình vẽ sơ đồ sân bóng và cho biết:*    *a) Sân bóng trên được vẽ với tỉ lệ nào? Tỉ lệ đó cho ta biết điều gì?*  *b) Đo chiều dài, chiều rộng của sân bóng trên sơ đồ và tính chiều dài thật, chiều rộng thật của sân bóng.*  - Đọc nội dung bài 2  - BT yêu cầu: **quan sát** hình vẽ sơ đồ sân bóng và cho biết:  a) Sân bóng trên được vẽ với **tỉ lệ nào**? **Tỉ lệ đó cho ta biết điều gì**?  b) **Đo** chiều dài, chiều rộng của sân bóng **trên sơ đồ** và **tính** chiều dài thật, chiều rộng thật của sân bóng.  - Thảo luận nhóm 4, hoàn thành bài tập 2.  - Đại diện 2-3 nhóm lên trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung.  - Kết quả:  *a) Góc phải phía dưới có ghi 1 : 1 000. Vậy sân bóng được vẽ với tỉ lệ 1 : 1000.*  *- Tỉ lệ đo cho ta biết tỉ số giữa độ dài đo được trên sơ đồ sân bóng và độ dài thật đo được trên thực tế là 1 : 1000. Nói cách khác, độ dài thật dài gấp 1 000 lần so với độ dài đo được trên sơ đồ sân bóng.*  *b) Đo trên sơ đồ được: Chiều dài là 10,5cm; chiều rộng là 6,8 cm.*  *Vậy, chiều dài thật của sân bóng là 10,5 cm 1000 = 10 500 cm = 105m*  *Chiều rộng thật của sân bóng là:*  *6,8 cm 1000 = 6 800 cm = 68 m.*  - Trả lời.  - Lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG SAU TIẾT DẠY**

Điều chỉnh HĐ Khởi động theo hình thức sau:

|  |
| --- |
| - GV chiếu hình ảnh ***Bản đồ Việt Nam***, yêu cầu HS quan sát.    - GV nêu câu hỏi:  *+ Đây là gì?*  *+ Thực tế hình ảnh nước ta có bé như vậy không?*  - GV đặt vấn đề: “*Vậy, thực tế hình ảnh nước ta gấp hình ảnh này bao nhiều lần?”*  - GV giới thiệu bài: “*Bài học hôm nay sẽ giúp các em giải đáp được câu hỏi này mỗi khi quan sát bất kì một tấm bản đồ nào:* *“****Bài 45: Tỉ lệ bản đồ****”.* |